BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2015*

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
ĐẾN Số: 585
Ngày 29/01/2016
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường

1. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II	Mã số: V.06.05.13
2. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	Mã số: V.06.05.14
3. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV	Mã số: V.06.05.15

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường

1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Có tinh thần cầu thị, hợp tác và không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công tác quan trắc tài nguyên môi trường; tâm huyết với công việc.

3. Không lợi dụng chức danh, quyền hạn để hoạt động xâm hại đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; không mưu cầu lợi ích cá nhân; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

4. Có lối sống lành mạnh, gương mẫu; không quan liêu, tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực.

5. Trung thực, đoàn kết, khách quan, khiêm tốn và không sách nhiễu, gây cản trở khi thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến quyền và lợi ích của công dân.

Chương II
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II - Mã số: V.06.05.13

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì thực hiện các ca hoặc chương trình quan trắc theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;

b) Chủ trì và tổ chức thực hiện các đề án, chương trình quan trắc; lập tiến độ kế hoạch chi tiết triển khai chương trình;

c) Hướng dẫn, đào tạo cho viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường ở hạng thấp hơn trong xây dựng, báo cáo và triển khai thực hiện quan trắc theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đề án, chương trình quan trắc cấp bộ, ngành;

đ) Chủ trì hoặc trực tiếp lập các báo cáo quan trắc; xây dựng đề tài, dự án về quan trắc tài nguyên môi trường có tính chất phức tạp;

e) Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường ở hạng thấp hơn trong việc triển khai thực hiện quan trắc;

g) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường từ hạng tương đương trở xuống.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thuỷ văn, hải văn, hải dương, môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành

chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kỹ năng chuyên sâu trong hoạt động quan trắc;

b) Nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quan trắc và kỹ thuật sử dụng trang thiết bị quan trắc, an toàn lao động;

c) Có khả năng tổ chức, quản lý kỹ thuật, triển khai chương trình quan trắc và lập báo cáo quan trắc thành phần tài nguyên và môi trường;

d) Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các điều kiện tự nhiên, xã hội ảnh hưởng đến hoạt động quan trắc tài nguyên môi trường;

đ) Có khả năng nghiên cứu, ứng dụng thông tin khoa học, kỹ thuật, công nghệ về quan trắc trong nước và quốc tế;

e) Tham gia ít nhất 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

4. Việc thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II:

Viên chức thăng hạng từ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III lên chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III từ đủ 02 (hai) năm trở lên.

Điều 5. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III - Mã số: V.06.05.14

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện chương trình quan trắc theo quy định; tham gia xây dựng, lập kế hoạch các chương trình quan trắc;

b) Hướng dẫn, tham gia hoặc trực tiếp đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường từ hạng tương đương trở xuống trong hoạt động quan trắc theo quy định;

c) Lập các báo cáo quan trắc; tham gia xây dựng đề tài, dự án về quan trắc tài nguyên môi trường;

d) Tham gia hướng dẫn, kiểm tra kỹ thuật quan trắc trong hoạt động quan trắc; sử dụng trang thiết bị theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thuỷ văn, hải văn, hải dương, môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Thành thạo trong hoạt động quan trắc; lập được báo cáo quan trắc thành phần tài nguyên môi trường;

b) Nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quan trắc và kỹ thuật sử dụng trang thiết bị quan trắc, an toàn lao động;

c) Nắm được điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm tài nguyên và môi trường, thông tin khoa học, kỹ thuật, công nghệ về quan trắc trong và ngoài nước.

4. Việc thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III:

Viên chức thăng hạng từ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV lên chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ cao đẳng trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ trung cấp phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

Điều 6. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV - Mã số: V.06.05.15

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện quan trắc, tính toán, chỉnh biên số liệu, lập báo biểu và phát báo theo quy định;

b) Lấy mẫu quan trắc, bảo quản mẫu theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;

c) Lập các báo cáo quan trắc, bàn giao mẫu và ghi các biên bản bàn giao mẫu, theo đúng hướng dẫn, quy chuẩn kỹ thuật trong quan trắc;

d) Sử dụng, bảo quản trang thiết bị theo đúng hướng dẫn sử dụng;

đ) Thực hiện an toàn lao động theo quy định.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thuỷ văn, hải văn, hải dương, môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kiến thức đại cương về chuyên môn được phân công quan trắc;

b) Có kỹ năng thành thạo của ít nhất một công tác quan trắc trong các công tác quan trắc: khí tượng, thủy văn, hải văn, tài nguyên nước, môi trường;

c) Nắm vững quy chuẩn kỹ thuật quan trắc tài nguyên môi trường;

d) Sử dụng thành thạo máy móc, thiết bị, phương tiện trong công tác chuyên môn.

Chương III
BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường phải căn cứ vào vị trí việc làm; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nhiệm vụ viên chức đang đảm nhận.

2. Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường theo quy định tại Chương I và Chương II của Thông tư liên tịch này.

3. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 8. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Trường hợp viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch quan trắc tài nguyên môi trường theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT) và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, như sau:

1. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II (mã số V.06.05.13) đối với viên chức đang giữ ngạch quan trắc viên chính tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.256).

2. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III (mã số V.06.05.14) đối với viên chức đang giữ ngạch quan trắc viên tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.257).

3. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV (mã số V.06.05.15) đối với viên chức đang giữ các ngạch quan trắc viên cao đẳng tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.258) và quan trắc viên trung cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.259).

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

b) Chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

c) Chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV hạng IV áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Xếp lương khi viên chức hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp:

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc, hệ số lương theo chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, như sau:

a) Trường hợp viên chức có trình độ tiến sĩ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III (mã số V.06.05.14) thì xếp bậc 3/9, hệ số lương 3,00 của viên chức loại A1.

b) Trường hợp viên chức có trình độ thạc sĩ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III (mã số V.06.05.14) thì xếp bậc 2/9, hệ số lương 2,67 của viên chức loại A1.

c) Trường hợp viên chức có trình độ đại học khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III (mã số V.06.05.14) thì xếp bậc 1/9, hệ số lương 2,34 của viên chức loại A1.

d) Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV (mã số V.06.05.15) thì xếp bậc 2/12, hệ số lương 2,06 của viên chức loại B.

đ) Trường hợp viên chức có trình độ trung cấp khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV (mã số V.06.05.15) thì xếp bậc 1/12, hệ số lương 1,86 của viên chức loại B.

3. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch quan trắc tài nguyên môi trường theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV, thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường có hệ số, bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang hệ số, bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ 1: Bà Đặng Thị A đang công tác tại Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La, đã bổ nhiệm và xếp ngạch quan trắc viên tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.257), bậc 5/9, hệ số lương 3,66 từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Nay bà Đặng Thị A có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III (mã số V.06.05.14) thì được xếp lương bậc 5/9, hệ số 3,66 của chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III kể từ ngày quyết định nêu trên có hiệu lực thi hành; thời điểm xét nâng bậc lương lần sau được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường có trình độ cao đẳng, đang xếp lương ở viên chức loại A0 theo quy định tại Nghị

định số 204/2004/NĐ-CP, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV (mã số V.06.05.15) thì việc xếp lương được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự), như sau:

- Tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV, cứ sau thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn); trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên.

- Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV nêu trên, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ; hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ 2: Ông Trần Văn B, tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành công nghệ kỹ thuật môi trường, được tuyển dụng vào làm việc tại Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và hiện giữ ngạch quan trắc viên cao đẳng tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.258), bậc 3/10, hệ số lương 2,72 của viên chức loại A0 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay ông Trần Văn B có đủ tiêu chuẩn và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV (mã số V.06.05.15) thì được xếp bậc, hệ số lương, như sau:

- Thời gian công tác của ông Trần Văn B từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, trừ thời gian tập sự 06 tháng, tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV và cứ 02 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 7 năm 2014, ông Trần Văn B được xếp vào bậc 5/12, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV kể từ ngày quyết định nêu trên có hiệu lực thi hành; thời điểm xét nâng bậc lương lần sau được tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; đồng thời ông Trần Văn B được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (2,72 - 2,66).

- Đến ngày 01 tháng 7 năm 2016 (đủ 02 năm), nếu ông Trần Văn B đủ điều kiện, tiêu chuẩn sẽ được cơ quan có thẩm quyền nâng bậc lương thường

xuyên lên bậc 6/12, hệ số lương 2,86 của chức danh nghề nghiệp quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV và tiếp tục được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (tổng hệ số lương được hưởng là 2,92).

4. Viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường đạt kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường hạng trên liền kề thì việc xếp lương thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch này và theo hướng dẫn tại Khoản 1, Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản áp dụng

1. Đối với viên chức đang giữ ngạch quan trắc viên sơ cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.260) theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV được tiếp tục áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại C, nhóm 1 (C1) của Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường quy định tại Thông tư liên tịch này đối với viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch quan trắc tài nguyên môi trường theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các tổ chức sự nghiệp ngoài công lập được vận dụng các quy định này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân lực làm công tác quan trắc tài nguyên môi trường.

3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án chuyển xếp viên chức đang giữ các ngạch quan trắc tài nguyên môi trường sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường (sau đây viết tắt là phương án chuyển xếp) đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo Biểu mẫu kèm theo Thông tư liên tịch này, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổng hợp phương án chuyển xếp của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xem xét, phê duyệt;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc chuyển xếp chức danh nghề nghiệp;

b) Phê duyệt phương án chuyển xếp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình chuyển xếp chức danh nghề nghiệp;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường theo thẩm quyền;

d) Hàng năm, báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

2. Bãi bỏ các quy định về chức danh và mã số các ngạch viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường tại Quyết định số 01/2008/QĐ-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành chức danh và mã số ngạch các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

3. Bãi bỏ các quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

4. Bãi bỏ các quy định về hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường tại Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** **THỨ TRƯỞNG**
Trần Anh Tuấn	**Trần Hồng Hà**

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các Hội, đoàn thể;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ TN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT, Bộ Nội vụ;
- Lưu: Bộ TN&MT (VT, Vụ TCCB), Bộ Nội vụ (VT, Vụ CC-VC). BH375.

Tên đơn vị cấp trên trực tiếp..
Tên đơn vị.....

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN XẾP VIÊN CHỨC CÁC NGẠCH CHUYÊN NGÀNH QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG SANG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc lương đang hưởng							Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương được chuyển xếp						
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc trong ngạch	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm hưởng	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Mã số chức danh	Bậc trong chức danh	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính nâng bậc lương hoặc % PCTN vượt khung lần sau	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
I. Viên chức chuyên môn kỹ thuật giữ chức danh lãnh đạo được bổ nhiệm																		
II. Viên chức chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật (kể cả những viên chức đang tập sự)																		
III. Lao động hợp đồng đã xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ																		

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký tên)

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN TỔ CHỨC CÁN BỘ
(ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)